

Name:

Class: S6

Tel: 034.200.9294



Vocab + Gram:

Listening:

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ, ngày/.....
Ngày HS nộp bài: Thứ, ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 4: INVENTIONS – VOCABULARY 2 & PET SPEAKING

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đê có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	thrilled at (adj)	phản khích về một điều gì đó	9	creative (adj)	sáng tạo
2	genius (n)	thiên tài	10	run a competition	tổ chức một cuộc thi
3	stride (v)	sải bước	11	display (v)	trưng bày
4	invention (n)	sự phát minh/sáng chế	12	gasp in amazement (v)	thở gấp vì ngạc nhiên
5	device (n)	thiết bị	13	laugh at (phr.v)	cười nhạo
6	nasty (adj)	xấu xa	14	turn into (phr.v)	biến thành
7	out of sight	khuất khỏi tầm nhìn	15	think of / about (phr.v)	suy nghĩ về ai/ điều gì
8	hostile (adj)	thù địch	16	sum up (phr.v)	tóm tắt, tổng kết

Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	express service (n.phr)	dịch vụ chuyển phát nhanh	5	military (n)	quân đội
2	traffic jam (n)	tắc đường	6	announce (v)	công bố
3	harbour (n)	bến cảng	7	aggressive (adj)	hung hăng
4	prospect (n)	viễn cảnh	8	rival (n)	đối thủ

- ❖ **Note :** n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ,
v = verb: động từ, phr. v = phrasal verb: cụm động từ
n. phr = noun phrase: cụm danh từ
- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1: Put the letters in brackets into the correct order to complete the sentences

Exercise 2: Circle the correct answer

Exercise 3: Complete the words/ phrases using the clues given

0. *an object or a piece of equipment that has been designed to do a particular job* **D E V I C E**

1. *aggressive or unfriendly and ready to argue or fight* **H _____ L __**

2. *unusually great intelligence, skill or artistic ability* **_ E __ U __**

3. *to make somebody/ something seem stupid or not serious by making jokes about them/ it* **L _____ A __**

4. *to walk with long steps in a particular direction* **_ T R __ __**

5. *become something different* **T _____ I __ O**

Exercise 4: Circle the correct answer

0. The students **laughed** / **cried** / **turned** at the funny story that the teacher told them.

1. We **stroke** / **blasted** / **strode** across the snowy fields yesterday.

2. She's thinking **of** / **off** / **into** changing her job.

3. The school always wants to **walk** / **sum** / **run** a competition for students who are good at computers.

4. They all held their hands **up** / **in** / **off** when the music started.

5. This new **genius** / **invention** / **stride** has huge sales potential.

Exercise 5: Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences

0. motivation / They / study. / to / lack

→ _____ **They lack motivation to study.** _____

1. She / when she / gasped / the truth. / amazement / knew / in

→ _____

2. prisoner / looked / hostile / The / at him / silence. / in

→ _____

3. electronic device / It / an / many uses. / was / with

→ _____

4. the / displayed / They / which / the images. / looked at / computer screens

→ _____

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/1YiVcP2oi86eC8MV42D-SYGosIRQu--a0/view?usp=sharing>



Questions 11-15

57

For each question, choose the correct answer.

You will hear Dan talking to a shop assistant in a sports shop.

11 Dan thinks plastic skateboards are

- A cheap.
- B popular.
- C light.

12 What colour skateboard does Dan prefer?

- A purple
- B yellow
- C grey

13 The shop assistant says the best skateboard for Dan is about

- A 16 cm wide.
- B 18 cm wide.
- C 20 cm wide.

14 What free gift can Dan get from the shop?

- A a backpack
- B some gloves
- C a scarf

15 When will Dan buy a skateboard?

- A on Wednesday
- B on Friday
- C on Saturday

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/19RvDjgJhE5aFjtIgObmXJTkZteNXfVvQ/view?usp=sharing>

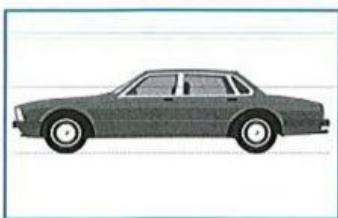
PAPER 3 LISTENING

PART 1 Questions 1-7

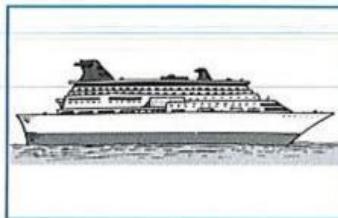
For each question, choose the correct answer.



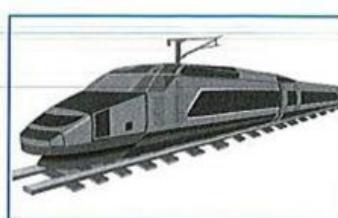
1. How did the woman travel?



A



B



C

2. What time does the film start?



A



B



C

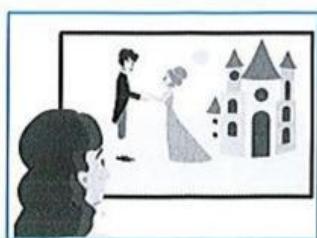
3. What kind of film was it?



A



B

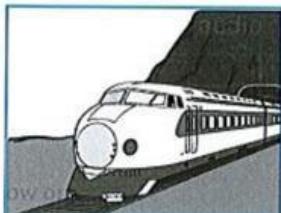


C

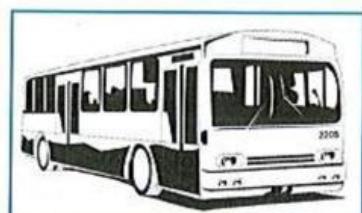
4. What kind of transportation is the man talking about?



A

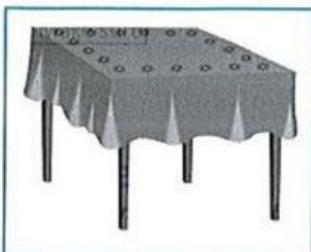


B

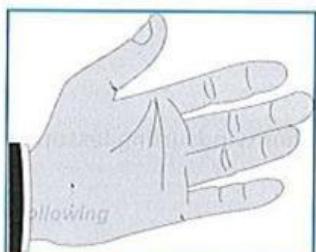


C

5. Where are the boy's keys?



A

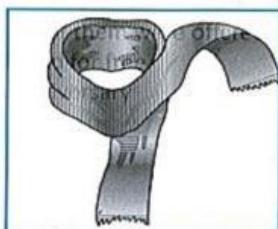


B



C

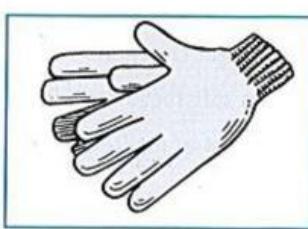
6. Which present is Mark going to buy?



A

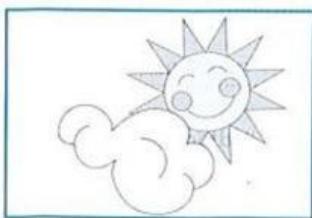


B



C

7. What will the weather be like tomorrow?



A



B



C